

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

Số: 2626 /TCT-DNNCN

V/v giới thiệu một số điểm mới và
triển khai thực hiện Thông tư số
40/2021/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 40/2021/TT-BTC hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2021. Về việc này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Tổng cục Thuế giới thiệu một số điểm mới về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và triển khai thực hiện Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (chi tiết nêu tại Phụ lục đính kèm).

2. Giao Cục Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Vụ quản lý thuế doanh nghiệp vừa và nhỏ và hộ kinh doanh, cá nhân nâng cấp ứng dụng, đáp ứng yêu cầu, triển khai thực hiện theo các quy định nêu trên.

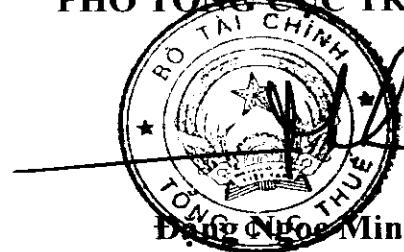
3. Đề nghị Cục trưởng Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai tuyên truyền, phổ biến nội dung quy định về hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Thông tư số 40/2021/TT-BTC tới công chức thuế, người nộp thuế và chuẩn bị các điều kiện đảm bảo thi hành.

Tổng cục Thuế thông báo để các Cục Thuế chủ động triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Tổng cục Thuế;
- Các Vụ/đơn vị thuộc TCT (để thực hiện);
- Lưu: VT, DNNCN (2b). 62

**KT.TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Phụ lục

GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI VỀ HƯỚNG DẪN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG, THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH TẠI THÔNG TƯ SỐ 40/2021/TT-BTC CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo công văn số /TCT-DNNCN ngày / /2021 của Tổng cục Thuế)

1. Về phạm vi điều chỉnh: (Điều 1)

Thông tư này hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay thế các nội dung hướng dẫn về hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Chương I và Chương II Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

2. Về đối tượng áp dụng

Điểm mới 1: về đối tượng áp dụng (khoản 4 Điều 2)

Sửa đổi, bổ sung quy định đối với cá nhân chuyển nhượng tên miền internet quốc gia Việt Nam “.vn” hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú.

Trước đây: Chưa có hướng dẫn đối với cá nhân không cư trú.

Điểm mới 2: về đối tượng áp dụng (điểm đ khoản 1, khoản 6 Điều 2)

Bổ sung hướng dẫn thêm so với trước đây một số trường hợp: tổ chức có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay; hướng dẫn cụ thể đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoạt động thương mại điện tử, bao gồm cả trường hợp cá nhân có thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử.

Trước đây: Đã có hướng dẫn cụ thể về việc khai thuế thay, nộp thuế thay đối với cá nhân cho thuê tài sản và các trường hợp ủy quyền theo pháp luật dân sự, cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức; chưa có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay khác. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoạt động thương mại điện tử, bao gồm cả trường hợp cá nhân có thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử trước đây đã có tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC tuy nhiên chưa được hướng dẫn cụ thể.

3.Về giải thích từ ngữ

Điểm mới 3: về giải thích từ ngữ (Điều 3)

Hệ thống lại các từ ngữ đã được giải thích tại các văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực có liên quan đồng thời bổ sung giải thích một số từ ngữ tại Thông tư này.

Trước đây: Chưa có hướng dẫn đối với nội dung này.

4. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai

Điểm mới 4: về phương pháp tính thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai (Điều 5)

Bổ sung hướng dẫn mới về phương pháp tính thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai: hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy mô lớn hoặc chưa đáp ứng quy mô lớn nhưng tự lựa chọn thì sẽ nộp thuế theo phương pháp kê khai; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai thực hiện khai thuế theo tháng hoặc quý, phải thực hiện chế độ kê toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định nhưng không phải quyết toán thuế; hộ kê khai nếu xác định doanh thu tính thuế không phù hợp thực tế thì cơ quan thuế thực hiện án định theo quy định tại Điều 50 Luật Quản lý thuế.

Trước đây: Chưa có hướng dẫn về nội dung này.

Điểm mới 5: về hồ sơ khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai (Điều 11; khoản 4 Điều 5)

Bổ sung hướng dẫn mới về hồ sơ khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai. Theo đó, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai nộp hồ sơ khai thuế theo tờ khai mẫu số 01/CNKT ban hành kèm theo Thông tư và nộp kèm theo Phụ lục bảng kê hoạt động kinh doanh trong kỳ mẫu số 01-2/BK-HDKD, trong đó quy định phải báo cáo về nhập - xuất - tồn vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá/nhóm hàng hoá trong kỳ; các khoản chi phí phát sinh liên quan đến doanh thu kinh doanh trong kỳ để làm căn cứ cho cơ quan thuế quản lý doanh thu kinh doanh trong kỳ theo rủi ro.

Riêng trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề có căn cứ xác định được doanh thu theo xác nhận của cơ quan chức năng thì không phải thực hiện chế độ kê toán và không phải kèm theo Phụ lục bảng kê hoạt động kinh doanh trong kỳ mẫu số 01-2/BK-HDKD. Lĩnh vực, ngành nghề có căn cứ xác định được doanh thu theo xác nhận của cơ quan chức năng theo thực tế phát sinh trong thời gian qua như: sản xuất điện mặt trời; dịch vụ tàu du lịch có quản lý giá và hoạt động xuất bến, điều phối tàu của cơ quan chức năng tại địa phương; và các hoạt động khác tương tự. Cơ quan thuế phối hợp với cơ quan chức năng để xác định những lĩnh vực, ngành nghề tại địa bàn

đáp ứng điều kiện xác định được doanh thu, trên cơ sở đó, xác định cụ thể những tổ chức chi trả, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề đó thuộc diện nộp thuế theo phương pháp kê khai nhưng không phải thực hiện chế độ kê toán và không phải nộp Phụ lục bảng kê hoạt động kinh doanh trong kỳ theo mẫu 01-2/BK-HĐKD. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề này chỉ phải khai thuế tháng/quý theo tờ khai mẫu số 01/CNKT và kèm theo tài liệu (hoá đơn, chứng từ, văn bản khác) để xác nhận về khoản tiền nhận được từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ khai thuế do tổ chức chi trả hoặc của cơ quan chức năng quản lý tại địa bàn phát hành.

Trước đây: Chưa có hướng dẫn về nội dung này.

Điểm mới 6: về nơi nộp, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế (Điều 11)

Bổ sung hướng dẫn mới về nơi nộp, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai, cụ thể như sau:

- Hộ kinh doanh nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế quản lý trực tiếp nơi hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định chung về thời hạn khai tháng hoặc khai quý quy định tại Điều 44 Luật Quản lý thuế.

- Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bô sung hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót.

Trước đây: Chưa có hướng dẫn về nội dung này.

Điểm mới 7: về nghĩa vụ khai thuế trong trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai tạm ngừng hoạt động, kinh doanh (khoản 5 Điều 11)

Bổ sung hướng dẫn mới về nghĩa vụ khai thuế trong trường hợp hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động, kinh doanh: trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tạm ngừng hoạt động, kinh doanh thì thông báo cho cơ quan thuế theo quy định tại Điều 91 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/11/2021 của Chính phủ, Điều 4 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, Điều 12 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế và không phải nộp hồ sơ khai thuế, trừ trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tạm ngừng hoạt động, kinh doanh không trọn tháng nếu khai thuế theo tháng hoặc tạm ngừng hoạt động, kinh doanh không trọn quý nếu khai thuế theo quý.

Trước đây: Chưa có hướng dẫn về nội dung này.

5. Đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh

Điểm mới 8: về đối tượng khai thuế theo từng lần phát sinh (khoản 2 Điều 6)

Bổ sung thêm một số đối tượng khai thuế theo từng lần phát sinh như:

- Cá nhân là chủ thầu xây dựng tư nhân;
- Cá nhân chuyển nhượng tên miền internet quốc gia Việt Nam “.vn”;
- Cá nhân có thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số nếu không lựa chọn nộp thuế theo phương pháp kê khai.

Trước đây: Chưa có hướng dẫn cụ thể đối với các trường hợp nêu trên.

Điểm mới 9: về nơi nộp hồ sơ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh (khoản 2 Điều 12)

Sửa đổi, bổ sung quy định về nơi nộp hồ sơ khai thuế: nơi nộp hồ sơ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh, cụ thể đối với từng trường hợp như sau:

- Trường hợp kinh doanh lưu động thì nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế quản lý trực tiếp nơi cá nhân phát sinh hoạt động kinh doanh.
- Trường hợp cá nhân có thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số thì nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế quản lý trực tiếp nơi cá nhân cư trú (thường trú hoặc tạm trú).
- Trường hợp cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng tên miền internet quốc gia Việt Nam “.vn” thì nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú. Trường hợp cá nhân chuyển nhượng là cá nhân không cư trú thì nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức quản lý tên miền internet quốc gia Việt Nam “.vn”.
- Trường hợp cá nhân là chủ thầu xây dựng tư nhân thì nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế quản lý trực tiếp nơi cá nhân phát sinh hoạt động xây dựng.

Trước đây: Theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính thì nơi nộp hồ sơ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh lưu động (buôn chuyển) là Chi cục Thuế nơi cá nhân đăng ký kinh doanh; còn các trường hợp khai thuế từng lần phát sinh khác thì khai tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi thường trú hoặc tạm trú).

6. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán

Điểm mới 10: về trách nhiệm lưu trữ hồ sơ chứng minh hàng hoá, dịch vụ hợp pháp trong trường hợp hộ khoán có đề nghị cấp lẻ, bán hoá đơn lẻ theo từng lần phát sinh (Điều 7)

Bổ sung quy định về trách nhiệm của hộ khoán nếu có sử dụng hoá đơn lẻ phải lưu trữ và xuất trình cho cơ quan thuế các hoá đơn, chứng từ, hợp đồng, hồ sơ chứng minh hàng hoá, dịch vụ hợp pháp khi đề nghị cấp lẻ, bán hoá đơn lẻ theo từng lần phát sinh.

Trước đây: Chưa có hướng dẫn về nội dung này.

Điểm mới 11: về việc sử dụng hoá đơn của hộ khoán (khoản 2, khoản 4 Điều 7)

Sửa đổi quy định về việc hộ khoán sử dụng hoá đơn lẻ do cơ quan thuế cấp, bán lẻ theo từng số, không sử dụng hoá đơn quyền. Trường hợp hộ khoán lựa chọn ổn định phương pháp tính thuế đến hết kỳ tính thuế năm 2021 theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 20 Thông tư này thì tiếp tục ổn định việc sử dụng hoá đơn cho đến hết kỳ tính thuế năm 2021.

Trước đây: Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 2, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính thì hộ khoán được sử dụng cả hóa đơn lẻ và hóa đơn quyền.

Điểm mới 12: về hồ sơ khai thuế trong trường hợp hộ khoán sử dụng hoá đơn do cơ quan thuế cấp, bán lẻ theo từng lần phát sinh (điểm c khoản 2 Điều 13)

Sửa đổi, bổ sung hướng dẫn mới đối với hộ khoán sử dụng hoá đơn do cơ quan thuế cấp, bán lẻ theo từng lần phát sinh, hồ sơ khai thuế bao gồm:

- Tờ khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư;
- Bản sao hợp đồng kinh tế cung cấp hàng hóa, dịch vụ cùng ngành nghề với hoạt động kinh doanh của hộ khoán;
- Bản sao biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng;
- Bản sao tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ như: Bảng kê thu mua hàng nông sản nếu là hàng hóa nông sản trong nước; Bảng kê hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới nếu là hàng cư dân biên giới nhập khẩu; Hóa đơn của người bán hàng giao cho nếu là hàng hóa nhập khẩu mua của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong nước; tài liệu liên quan để chứng minh nếu là hàng hóa do cá nhân tự sản xuất, cung cấp;...

Cơ quan thuế có quyền yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu, xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

Trước đây: Trước đây hồ sơ khai thuế này áp dụng đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính.

Điểm mới 13: về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế (điểm b khoản 3 Điều 13)

Bổ sung hướng dẫn đối với trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai chuyển đổi sang phương pháp khoán; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán chuyển đổi sang phương pháp kê khai thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế (Tờ khai thuế khoán) chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày chuyển đổi phương pháp tính thuế.

Trước đây: Chưa có hướng dẫn về nội dung này.

Điểm mới 14: về điều chỉnh doanh thu và mức thuế khoán (điểm b khoản 4 Điều 13)

Sửa đổi, bổ sung quy định về điều chỉnh doanh thu và mức thuế khoán, theo đó, hộ khoán trong năm có đề nghị điều chỉnh doanh thu, mức thuế khoán do thay đổi hoạt động kinh doanh thì cơ quan thuế điều chỉnh lại mức thuế khoán theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật Quản lý thuế kể từ thời điểm có thay đổi. Cụ thể như sau:

- Hộ khoán thay đổi quy mô kinh doanh (diện tích kinh doanh, lao động sử dụng, doanh thu) thì phải khai điều chỉnh, bổ sung Tờ khai thuế theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư này. Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ khai thuế của hộ khoán, cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế nếu xác định doanh thu khoán thay đổi từ 50% trở lên so với doanh thu đã khoán thì ban hành Thông báo (mẫu số 01/TB-CNKD ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ) về việc điều chỉnh mức thuế khoán kể từ thời điểm có thay đổi trong năm tính thuế. Trường hợp qua cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế, số liệu xác minh, kiểm tra, thanh tra, cơ quan thuế có căn cứ xác định hộ khoán không đáp ứng điều kiện để được điều chỉnh mức thuế khoán theo quy định thì cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc không điều chỉnh mức thuế khoán theo mẫu số 01/TBKDC-CNKD ban hành kèm theo Thông tư này.

- Hộ khoán thay đổi địa điểm kinh doanh thì phải thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định và thực hiện thủ tục khai thuế tại địa điểm mới như đối với hộ khoán mới ra kinh doanh. Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế để xử lý theo quy định. Cơ quan thuế quản lý nơi hộ khoán chuyển đến xử lý hồ sơ khai thuế của hộ khoán như đối với hộ khoán mới ra kinh doanh. Cơ quan thuế quản lý nơi hộ khoán chuyển đi ban hành Thông báo (mẫu số 01/TB-CNKD ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020 của Chính phủ) về việc điều chỉnh giảm mức thuế khoán kể từ thời điểm có thay đổi trong năm tính thuế.

- Hộ khoán thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh (kể cả trường hợp không thay đổi về tỷ lệ, thuế suất áp dụng) thì hộ khoán phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định (nếu có thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh so với đăng ký thuế), đồng thời khai điều chỉnh, bổ sung Tờ khai thuế theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư này. Cơ quan thuế căn cứ kết quả xử lý hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế (nếu có) và căn cứ hồ sơ khai thuế của hộ khoán, cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế để ban hành Thông báo (mẫu số 01/TB-CNKD ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ) về việc điều chỉnh mức thuế khoán (nếu có) theo thực tế kể từ thời điểm thay đổi trong năm tính thuế.

- Hộ khoán ngừng hoặc tạm ngừng kinh doanh thì hộ khoán thực hiện thông báo khi ngừng hoặc tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Cơ quan thuế căn cứ vào thông báo của hộ khoán hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 37 Luật Quản lý thuế để điều chỉnh mức thuế khoán như sau:

+ Đối với hộ khoán đã được thông báo chấp thuận ngừng kinh doanh: nếu hộ khoán ngừng kinh doanh từ ngày đầu tiên của tháng dương lịch thì điều chỉnh giảm toàn bộ tiền thuế khoán kể từ tháng ngừng kinh doanh; nếu hộ khoán ngừng kinh doanh tại bất kỳ thời điểm nào trong khoảng thời gian từ ngày 02 đến ngày 15 của tháng dương lịch thì tiền thuế khoán của tháng bắt đầu ngừng kinh doanh được điều chỉnh giảm 50% và điều chỉnh giảm toàn bộ tiền thuế khoán của các tháng sau tháng ngừng kinh doanh; nếu hộ khoán ngừng kinh doanh tại bất kỳ thời điểm nào trong khoảng thời gian từ ngày 16 trở đi của tháng dương lịch thì tiền thuế khoán của tháng bắt đầu ngừng kinh doanh không được điều chỉnh giảm, chỉ điều chỉnh giảm toàn bộ tiền thuế khoán của các tháng sau tháng ngừng kinh doanh.

+ Đối với hộ khoán đã được thông báo chấp thuận tạm ngừng kinh doanh: nếu hộ khoán tạm ngừng kinh doanh trọn tháng của năm dương lịch thì tiền thuế khoán của tháng đó được điều chỉnh giảm toàn bộ; nếu hộ khoán tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày liên tục trở lên trong một tháng của năm dương lịch thì tiền thuế khoán phải nộp của tháng đó được điều chỉnh giảm 50%.

+ Thời gian ngừng hoặc tạm ngừng kinh doanh được xác định theo thông báo của người nộp thuế, trường hợp người nộp thuế ngừng hoặc tạm ngừng kinh doanh không thông báo hoặc thông báo muộn (bao gồm cả trường hợp vì lý do bất khả kháng theo quy định) thì cơ quan thuế căn cứ kết quả xác minh thực tế để xác định thời gian ngừng hoặc tạm ngừng kinh doanh.

- Hộ khoán ngừng hoặc tạm ngừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan thuế căn cứ văn bản yêu cầu ngừng hoặc tạm ngừng của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh mức thuế khoán theo thực tế cho thời gian yêu cầu ngừng hoặc tạm ngừng kinh doanh.

- Hộ khoán chuyển đổi sang phương pháp kê khai thì hộ khoán khai điều chỉnh, bổ sung Tờ khai thuế khoán theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư này. Cơ quan thuế căn cứ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung để điều chỉnh giảm mức thuế đã khoán cho thời gian chuyển đổi.

Trước đây: Theo hướng dẫn tại điểm c khoản 4 và điểm a khoản 11 Điều 6 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính thì chỉ hướng dẫn việc điều chỉnh doanh thu và mức thuế khoán đối với một số trường hợp sau: hộ khoán trong năm có thay đổi hoạt động kinh doanh mà doanh thu khoán thay đổi từ 50% trở lên; hộ khoán có thay đổi ngành nghề kinh doanh thì điều chỉnh theo thực tế; hộ khoán nếu ngừng/nghỉ liên tục trọn tháng dương lịch. Còn các trường hợp khác chưa có hướng dẫn.

Điểm mới 15: về việc công khai Bảng công khai thông tin hộ khoán theo mẫu số 01/CKTT-CNKD (điểm c khoản 5 Điều 13 và điểm a.2 khoản 8 Điều 13)

Bổ sung quy định trường hợp cơ quan thuế đã thực hiện được việc công khai Bảng công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế thì không bắt buộc phải in, phát trực tiếp cho từng hộ khoán Bảng công khai theo mẫu số 01/CKTT-CNKD.

Trước đây: Theo hướng dẫn tại điểm c khoản 5 và điểm a.1 khoản 9 Điều 6 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính thì bảng công khai thông tin gửi cho cá nhân được lập theo địa bàn bao gồm cả cá nhân thuộc diện phải nộp thuế và cá nhân thuộc diện không phải nộp thuế. Với chợ, đường, phố, tổ dân phố có từ hai trăm (200) cá nhân kinh doanh trở xuống thì Chi cục Thuế in, phát cho từng cá nhân kinh doanh Bảng công khai của các cá nhân kinh doanh tại địa bàn. Trường hợp chợ, đường, phố, tổ dân phố có trên 200 cá nhân kinh doanh thì Chi cục Thuế in, phát cho từng cá nhân kinh doanh Bảng công khai của không quá 200 cá nhân kinh doanh tại địa bàn. Riêng đối với chợ có trên 200 cá nhân kinh doanh thì Chi cục Thuế in, phát cho từng cá nhân kinh doanh Bảng công khai theo ngành hàng.

7. Đối với cá nhân cho thuê tài sản

Điểm mới 16: về mức doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định cá nhân cho thuê tài sản không phải nộp thuế trong năm (điểm c khoản 1 Điều 9)

Sửa đổi quy định về mức doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định cá nhân cho thuê tài sản không phải nộp thuế trong năm, theo đó, trường hợp cá nhân cho thuê tài sản không phát sinh doanh thu đủ 12 tháng trong năm dương lịch và bình quân doanh thu tháng từ 8,34 triệu đồng trở xuống thì không phải khai thuế. Trường hợp không phát sinh doanh thu đủ 12 tháng trong năm dương lịch và bình quân doanh thu tháng trên 8,34 triệu đồng thì cá nhân phải khai, nộp thuế trong năm kể cả trường hợp cá nhân lựa chọn khai thuế theo năm và nộp hồ sơ khai thuế trước 31/12 của năm tính thuế; trường hợp cá nhân lựa chọn khai thuế theo năm và nộp hồ sơ khai thuế sau 31/12 của năm tính thuế thì không phải nộp thuế nếu tổng doanh thực tế từ các hoạt động kinh doanh từ 100 triệu đồng trở xuống. Các trường hợp đã nộp thuế trong năm, đến cuối năm cá nhân tự xác định doanh thu trong năm từ 100 triệu đồng trở xuống thì có trách nhiệm chứng minh và đề nghị xử lý hoàn trả hoặc bù trừ vào số phải nộp phát sinh của kỳ sau theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trước đây: Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính thì mức doanh thu 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định đối tượng không phải nộp thuế trong năm trong trường hợp không phát sinh đủ 12 tháng trong năm dương lịch là theo doanh thu cho thuê tài sản thực tế phát sinh trong năm dương lịch.

Điểm mới 17: về hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với cá nhân cho thuê tài sản (điểm a khoản 3 Điều 14)

Sửa đổi quy định về cá nhân cho thuê tài sản khai thuế theo từng lần phát sinh kỳ thanh toán thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày bắt đầu thời hạn cho thuê của kỳ thanh toán; cá nhân cho thuê tài sản khai thuế theo năm thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của năm dương lịch tiếp theo.

Trước đây: Theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 Điều 8 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với cá nhân khai thuế theo kỳ hạn thanh toán chậm nhất là ngày thứ 30 của quý tiếp theo quý bắt đầu thời hạn cho thuê; thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với cá nhân khai thuế theo kỳ năm chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

Điểm mới 18: về nơi nộp hồ sơ khai thuế đối với cá nhân cư trú có tài sản cho thuê là bất động sản tại nước ngoài; và cá nhân cho thuê tài sản trừ bất động sản tại Việt Nam (điểm a khoản 2 Điều 14)

Sửa đổi quy định về nơi nộp hồ sơ khai thuế, theo đó thì nơi nộp hồ sơ khai thuế đối với cá nhân có tài sản cho thuê (trừ bất động sản tại Việt Nam) là Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú, do đó trường hợp cá nhân cư trú tại Việt Nam

nếu có tài sản cho thuê là bất động sản tại nước ngoài nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú; và cá nhân cho thuê tài sản trừ bất động sản tại Việt Nam nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú.

Trước đây: Theo hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính thì nơi nộp hồ sơ khai thuế là Chi cục Thuế nơi có tài sản cho thuê.

8. Đối với cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp, hoạt động kinh doanh khác

Điểm mới 19: về hồ sơ khai thuế (điểm b khoản 1 Điều 15)

Sửa đổi, bổ sung hồ sơ khai thuế năm của cá nhân làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp, hoạt động kinh doanh khác thuộc diện khai thuế năm trực tiếp khai thuế bao gồm:

- Tờ khai thuế năm (áp dụng đối với cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp, hoạt động kinh doanh khác chưa khai trừ, nộp thuế trong năm) theo mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo Thông tư này;
- Bản sao hợp đồng kinh tế (cung cấp hàng hóa, dịch vụ, hợp tác kinh doanh, đại lý);
- Bản sao biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng (nếu có).

Cơ quan thuế có quyền yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu, xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

Trước đây: Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 9 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính thì hồ sơ khai thuế năm của cá nhân làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp thuộc diện khai thuế năm chỉ bao gồm Tờ khai mẫu số 01/TKN-XSBHDC.

9. Đối với tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay

Điểm mới 20: về tổ chức có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân (điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 8)

Bổ sung thêm các trường hợp tổ chức có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân như sau:

- Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân;
- Tổ chức chi trả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền, các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác cho hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm khi cung cấp thông tin về phương pháp tính thuế của hộ kinh doanh cho tổ chức để tổ chức thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là hộ

khoán. Cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu về khai thuế, hoá đơn, chứng từ của người nộp thuế để quản lý rủi ro trong trường hợp này.

- Tổ chức tại Việt Nam là đối tác của nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài (không có cơ sở thường trú tại Việt Nam) thực hiện chi trả thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số cho cá nhân theo thoả thuận với nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài;

- Tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân theo lộ trình của cơ quan thuế. Trước mắt Sàn giao dịch TMĐT sẽ thực hiện việc cung cấp thông tin về cá nhân bán hàng thông qua Sàn theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế, trên cơ sở đó Tổng cục Thuế xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung để các cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khai thác phục vụ cho công tác quản lý thuế và xử lý vi phạm (nếu có).

Trước đây:

- *Đối với tổ chức chi trả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền, các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác trước thời điểm hiệu lực của Thông tư này Tổng cục Thuế đã tạm thời có một số công văn trả lời theo hướng tổ chức phải khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân mà không phân biệt hộ khoán, hộ kê khai (do trước đây chưa có quy định về hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai).*

- *Theo hướng dẫn tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, Tổng cục Thuế ban hành một số công văn tạm thời hướng dẫn các tổ chức không khấu trừ thuế, không phải khai thay, nộp thay thuế cho cá nhân trong trường hợp chiết khấu thương mại.*

Điểm mới 21: về mức doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định đối tượng không phải nộp thuế trong trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân (khoản 3 Điều 8)

Bổ sung quy định: trường hợp trong năm cá nhân phát sinh doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống tại nhiều nơi, cá nhân dự kiến hoặc xác định được tổng doanh thu trên 100 triệu đồng/năm thì có thể ủy quyền cho các tổ chức chi trả khai thuế thay, nộp thuế thay đối với doanh thu phát sinh tại đơn vị được ủy quyền trong năm tính thuế. Riêng đối với hộ khoán mà ngoài doanh thu khoán, hộ khoán còn nhận được các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền, khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác nếu thuộc diện phải chịu thuế, phải khai thuế, tính thuế GTGT theo quy định của pháp luật thuế GTGT thì tổ chức chi trả thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay theo thực tế

trong năm tính thuế. Trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê tài sản thì áp dụng việc xác định mức doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định đối tượng không phải nộp thuế theo hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

Trước đây: Chưa có hướng dẫn về nội dung này.

Điểm mới 22: về kỳ khai thuế đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê tài sản (điểm a khoản 2 Điều 8)

Sửa đổi, bổ sung quy định về kỳ khai thuế đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê tài sản, theo đó, trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê tài sản thì tổ chức khai thuế, nộp thuế theo tháng hoặc quý hoặc từng lần phát sinh kỳ thanh toán hoặc năm dương lịch.

Trước đây: Theo hướng dẫn tại điểm d khoản 2 Điều 8 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính thì tổ chức khai thuế, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê tài sản được thực hiện như đối với cá nhân trực tiếp khai thuế. Theo đó chỉ bao gồm khai thuế theo kỳ thanh toán hoặc khai thuế một lần theo năm.

Điểm mới 23: về hồ sơ khai thuế đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay (điểm a khoản 1 Điều 16)

Bổ sung quy định mới về hồ sơ khai thuế đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay trong trường hợp: cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức; tổ chức chi trả các khoản thường, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ banburg tiền hoặc không bằng tiền, khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác; tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử; tổ chức tại Việt Nam là đối tác của nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài (không có cơ sở thường trú tại Việt Nam) bao gồm:

- Tờ khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư này;

- Phụ lục Bảng kê chi tiết hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân; cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức; tổ chức chi trả cho cá nhân đạt doanh số; tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử; tổ chức tại Việt Nam là đối tác của nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài) theo mẫu số 01-1/BK-CNKD ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu là lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng). Cơ quan thuế có quyền yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu, xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

Trước đây: Chưa có hướng dẫn về nội dung này.

10. Trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Điểm mới 24: về trách nhiệm của Tổng cục Thuế (Điều 17)

Bổ sung quy định về trách nhiệm của Tổng cục Thuế trong việc quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bao gồm:

1. Xây dựng bộ chỉ số tiêu chí rủi ro đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

2. Hướng dẫn chi tiết quy trình cập nhật cơ sở dữ liệu về hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Cục Thuế và Chi cục Thuế.

3. Chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc cơ quan thuế, người nộp thuế trong việc thực hiện chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

4. Tổ chức thực hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo lộ trình quy định. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố để triển khai đề án hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế. Xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn có mã của cơ quan thuế đảm bảo phục vụ công tác quản lý thuế theo rủi ro đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trước đây: Chưa có hướng dẫn cụ thể.

Điểm mới 25: về trách nhiệm của Cục thuế (Điều 18)

Sửa đổi quy định về trách nhiệm của Cục thuế, theo đó Cục thuế có trách nhiệm trong việc triển khai và báo cáo Tổng cục Thuế kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra Chi cục Thuế, người nộp thuế. Việc triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra cụ thể như sau:

- Cục Thuế có trách nhiệm triển khai công tác kiểm tra thực tế hàng năm tối thiểu 10% số Chi cục Thuế theo quy định về quản lý rủi ro đối với việc xác định mức doanh thu khoán dự kiến, mức thuế khoán dự kiến. Kết quả kiểm tra của Cục Thuế là một trong những cơ sở để Chi cục Thuế lập và duyệt Sổ bộ thuế hộ khoán.

- Trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu, Cục Thuế có trách nhiệm định kỳ kiểm tra thực tế tối thiểu 5% số Chi cục Thuế mỗi quý I, quý II, quý III. Kết quả kiểm tra là căn cứ xây dựng mức doanh thu khoán dự kiến, mức thuế khoán dự kiến cho năm sau và điều chỉnh doanh thu khoán, mức thuế khoán cho thời gian còn lại của năm tính thuế.

- Nội dung kiểm tra thực tế của Cục Thuế gồm: kiểm tra trên cơ sở dữ liệu quản lý; đối chiếu số liệu đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế; kiểm tra thực tế đối với ít nhất 2% số hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và tổ chức có liên quan trên địa bàn trong đó tập trung kiểm tra 100% hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng quản lý rủi ro cao theo quy định.

Trước đây: Theo hướng dẫn tại khoản 8 Điều 6 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính thì Cục thuế có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm soát việc lập sổ bộ thuế tại Chi cục Thuế với tỷ lệ kiểm tra như sau: tối thiểu 20% số Chi cục Thuế theo quy định về quản lý rủi ro đối với việc xác định mức doanh thu khoán dự kiến, mức thuế dự kiến; kiểm tra thực tế tối thiểu 10% số Chi cục Thuế mỗi quý I, quý II, quý III; kiểm tra thực tế đối với ít nhất 15% số cá nhân kinh doanh trên địa bàn.

11. Biểu thuế

Điểm mới 26: về tỷ lệ phần trăm tính thuế GTGT và thuế suất thuế TNCN áp dụng đối với hộ kinh doanh nhận được các khoản: thường, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền (tại mục 1 Biểu thuế ban hành kèm theo Phụ lục I)

Bổ sung quy định: khoản thường, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền cho hộ kinh doanh áp dụng tỷ lệ phần trăm tính thuế GTGT là 1% và thuế suất thuế TNCN là 0,5%. Trường hợp các khoản nêu trên đáp ứng điều kiện không thuộc diện chịu thuế, không phải kê khai, tính nộp thuế theo pháp luật thuế GTGT thì chỉ áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,5%.

Trước đây:

- Trước đây theo hướng dẫn tại mục 4 Biểu thuế ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính thì các khoản này áp dụng thuế suất thuế TNCN hoạt động kinh doanh khác 1%.

- Theo hướng dẫn tại khoản 22 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính thì trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại cho khách hàng thì giá tính thuế GTGT là giá bán đã chiết khấu thương mại dành cho khách hàng. Căn cứ hoá đơn điều chỉnh, bên bán, bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào để xác định lại nghĩa vụ thuế GTGT của bên bán và thu nhập chịu thuế của bên mua. Tuy nhiên, trường hợp hộ kinh doanh khoản chiết khấu thương mại nhưng không thực hiện được việc điều chỉnh đầu vào để xác định lại thu nhập chịu thuế do áp dụng mức thuế khoán ổn định nên đối với hộ kinh doanh đây là khoản thu nhập phải kê khai nộp thuế so với mức thuế đã khoán ổn định. Nội dung này trước đây chưa được hướng dẫn cụ thể nên các tổ chức thực hiện chiết

khấu thương mại cho hộ khoán chưa thực hiện khai, nộp thay thuế TNCN cho hộ khoán. Nay theo quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và hướng dẫn tại thông tư này thì tổ chức có trách nhiệm khai, nộp thuế TNCN 0,5% thay cho hộ khoán.

Điểm mới 27: về việc bổ sung vào biểu thuế các nhóm ngành nghề, lĩnh vực không chịu thuế GTGT, không phải khai thuế GTGT, thuộc diện chịu thuế GTGT 0% theo pháp luật về thuế GTGT (mục 1, 2, 3 Biểu thuế ban hành kèm theo Phụ lục I)

Bổ sung vào biểu thuế hoạt động không chịu thuế GTGT, không phải khai thuế GTGT, thuộc diện chịu thuế GTGT 0% theo pháp luật về thuế GTGT thì chỉ áp dụng thuế suất thuế TNCN tương ứng tại mục 1,2,3 của biểu thuế là 0,5%; 2%; 1,5%.

Trước đây: *Do chưa có hướng dẫn cụ thể nên áp dụng theo ngành nghề kinh doanh khác tại mục 4 Biểu thuế ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC với thuế suất thuế TNCN đối với mọi trường hợp là 1%.*

Điểm mới 28: Về việc bổ sung nhóm ngành dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu (mục 2 Biểu thuế ban hành kèm theo Phụ lục I)

Bổ sung quy định: hoạt động quảng cáo trên sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số thuộc nhóm ngành dịch vụ chịu thuế GTGT 5%, thuế TNCN 2%; nhóm ngành dịch vụ khác thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất thuế GTGT 10% thì chịu thuế GTGT 5%, thuế TNCN 2%.

Trước đây: *Chưa có hướng dẫn đối với nội dung này.*

Điểm mới 29: về việc bổ sung vào biểu thuế hoạt động hợp tác kinh doanh với tổ chức mà tổ chức có trách nhiệm khai thuế GTGT đối với toàn bộ doanh thu của hoạt động hợp tác kinh doanh theo quy định (mục 1, 2, 3 Biểu thuế ban hành kèm theo Phụ lục I)

Bổ sung vào biểu thuế hoạt động hợp tác kinh doanh với tổ chức thuộc mà tổ chức có trách nhiệm khai thuế GTGT đối với toàn bộ doanh thu của hoạt động hợp tác kinh doanh đối với từng ngành nghề kinh doanh cụ thể.

Trước đây: *Chưa có hướng dẫn đối với những nội dung này.*

Điểm mới 30: Về việc bổ sung vào biểu thuế đối với các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác (mục 1, 2 Biểu thuế ban hành kèm theo Phụ lục I)

Bổ sung quy định: các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác thuộc ngành nghề phân phối, cung cấp hàng hóa thì chỉ chịu thuế TNCN 0,5%; các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác thuộc ngành

nghề dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu thì chỉ chịu thuế TNCN 2%.

Trước đây: Do chưa có hướng dẫn cụ thể nên áp dụng theo ngành nghề kinh doanh khác tại mục 4 Biểu ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC với thuế suất thuế TNCN đối với mọi trường hợp là 1%.

12. Mẫu biểu

a) Đối với hồ sơ của người nộp thuế gửi cơ quan thuế

- Bổ sung Bảng kê hoạt động kinh doanh trong kỳ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mẫu số 01-2/BK-HĐKD để nộp kèm theo Tờ khai mẫu số 01/CNKD áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai.

- Bổ sung Bảng kê chi tiết cá nhân cho thuê tài sản mẫu số 01-2/BK-TTS để nộp kèm theo Tờ khai mẫu số 01/TTS áp dụng đối với tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê tài sản.

b) Đối với Văn bản, Thông báo của cơ quan thuế

- Bổ sung Thông báo về việc không điều chỉnh mức thuế khoán mẫu số 01/TBKĐC-CNKD để áp dụng đối với hộ khoán không đáp ứng điều kiện để được điều chỉnh mức thuế khoán theo quy định.

Trước đây: Chưa có hướng dẫn đối với nội dung này.